

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 473/2026/DS-PT
Ngày 20/5/2026
V/v tranh chấp dân sự vay
tài sản (tiền)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Thẩm phán: Bà Đào Thị Thủy;

Ông Phạm Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trâm Thị Phương Hằng, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Vũ, Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 630/2026/TLPT-DS ngày 07 tháng 4 năm 2026, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền).

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 630/2026/QĐ-PT ngày 15 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lý Ngọc B; (có mặt)

Địa chỉ: Khóm A1, phường B1, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn:

1. Ông Lý Minh T; (vắng mặt)

2. Bà Lâm Thị Thu H; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ.

- Người kháng cáo: Ông Lý Minh T và bà Lâm Thị Thu H - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 6 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lý Ngọc B đều trình bày:

Ông và ông Lý Minh T công tác chung tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Sóc Trăng. Trong quá trình công tác, ông T có nói cần tiền huy động vốn để đáo hạn khoản vay bên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Xuyên số tiền 1.500.000.000 đồng, với lãi suất 1,5% tháng, hứa trong 01 tuần sẽ thanh toán. Do ông T đã nhiều lần vay tiền để sử dụng đáo hạn ngân hàng nên vào ngày 05/4/2024, ông đồng ý cho ông T vay tiền để đáo hạn Ngân hàng cho mẹ ông T là bà Lâm Thị Thu H. Ông có chuyển khoản vào tài khoản của ông T, số tài khoản 0359684405 tại Ngân hàng Quân Đội - Chi nhánh Sóc Trăng, hứa trong 01 tuần sẽ trả là ngày 12/4/2024. Tuy nhiên, qua nhiều lần đòi tiền đến ngày 22/4/2024, ông T trả được 900.000.000 đồng, hiện nay số tiền còn nợ là 600.000.000 đồng.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông T và bà H phải trả lại tiền số tiền gốc đã vay còn nợ 600.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 23/4/2024, theo mức lãi suất 1,5%/tháng đến khi thanh toán hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lý Minh T trình bày:

Ông thừa nhận có vay của ông B số tiền 1.500.000.000 đồng, sau đó ông đã trả vốn gốc cho ông B được 900.000.000 đồng, hiện còn nợ lại ông B 600.000.000 đồng.

Về phần lãi suất, ông B trình bày cho vay với lãi suất 1,5%/tháng là không đúng, lãi suất mà ông B cho vay là 24%/tháng (0,8%/ngày) và ông đã đóng lãi cho ông B được 99.000.000 đồng. Do lãi suất cao nên ông có xin ông B trả tiền lãi trên số vốn trả và được ông B đồng ý, cụ thể: Vào ngày 17/4/2024, trả vốn gốc 500.000.000 đồng và tính lãi từ ngày vay là ngày 05/4/2024 đến ngày trả gốc là ngày 17/4/2024 (13 ngày), với số tiền lãi là 500.000.000 đồng x 0,8%/ngày x 13 ngày = 52.000.000 đồng. Số tiền lãi này ông B đã nhận thông qua chuyển khoản.

Đến ngày 18/4/2024, ông vay lại 500.000.000 đồng, vốn gốc trở lại là 1.500.000.000 đồng. Đến ngày 22/4/2024, ông trả gốc 600.000.000 đồng và lãi được chia thành hai thời gian tính lãi như sau:

Lãi trên số tiền gốc được trả là 500.000.000 đồng, tính từ ngày vay lại là ngày 18/4/2024 đến ngày 22/4/2024 (05 ngày), với số tiền lãi là 500.000.000 đồng x 0,8%/ngày x 05 ngày = 20.000.000 đồng.

Lãi trên số tiền gốc được trả là 100.000.000 đồng, tính từ ngày vay đầu tiên là ngày 04/4/2024 đến ngày 22/4/2024 (18 ngày), với số tiền lãi là 100.000.000 đồng x 0,8%/ngày x 18 ngày = 14.400.000 đồng.

Tổng số tiền lãi ông đã trả cho ông B vào ngày 22/4/2024 là 34.400.000 đồng.

Đến ngày 19/6/2024, ông trả gốc thêm 300.000.000 đồng, lúc này hết khả năng đóng lãi cho ông B nên ông chỉ trả lãi cho ông B được số tiền 13.000.000 đồng.

Toàn bộ quá trình đóng lãi cho ông B thì ông có lưu lại thông tin chuyển khoản và việc ông B tính lãi suất 0,8%/ngày cũng được ông chụp màn hình lại qua zalo, do đó lãi suất ông B trình bày 1,5%/tháng là không đúng sự thật. Nếu ông B không thừa nhận có nhận lãi của ông và không đồng ý khấu trừ phần lãi vượt quá quy định vào tiền vốn vay thì ông đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ sang Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Đề để điều tra về hành vi cho vay lãi nặng, còn về giấy vay tiền có chữ ký của mẹ ông (bà Lâm Thị Thu H) thì bà H chỉ ký tên chứng kiến việc vay tiền, bà H và ông B không có giao dịch tiền bạc, bà H không biết việc này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lâm Thị Thu H trình bày:

Theo yêu cầu khởi kiện của ông B thì bà phải trả cho ông B số tiền 600.000.000 đồng, nhưng giữa bà và ông B không có giao dịch qua lại tiền bạc, bà không có vay tiền của ông B. Nay ông B khởi kiện yêu cầu bà phải có trách nhiệm trả số tiền 600.000.000 đồng là bà không đồng ý, còn việc ông B khởi kiện ông T thì bà không có ý kiến, vì ông T và ông B cùng làm chung ngân hàng với nhau, có giao dịch qua lại tiền bạc thì hai người tự giải quyết.

Tại Bản án số 02/2025/DS-ST ngày 09/7/2025, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ đã quyết định:

Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Ngọc B.*
- 2. Buộc bà Lâm Thị Thu H và ông Lý Minh T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Lý Ngọc B số tiền còn nợ là 827.600.000 đồng (Tám trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lý Ngọc B cho đến khi thi hành án xong đối với khoản tiền phải trả mà bà Lâm Thị Thu H và ông Lý Minh T chậm trả tiền thì bà H và anh Tiến phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 01/8/2025, bà H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận về việc buộc bà liên đới với ông T trả nợ cho ông B và tính lại phần lãi suất.

Ngày 14/8/2025, ông T cũng có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho ông được trả nợ dần và bỏ phần lãi suất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông T vắng mặt không có lý do.

Ông B không rút đơn khởi kiện, bà H không rút kháng cáo. Bà H và ông B đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: Bà H đồng ý liên đới với ông T trả nợ gốc và lãi cho ông B. Ông B đồng ý giảm phần tiền lãi cho ông T và bà H, tính đến ngày xét xử sơ thẩm từ 227.600.000 đồng xuống còn 160.000.000 đồng. Bà H đồng ý cùng ông T tiếp tục trả tiền lãi cho ông B theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận 1,5%/tháng từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả dứt nợ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về sự vắng mặt của ông T, ông là người kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, thì xem như ông T từ bỏ việc kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông T. Đối với yêu cầu kháng cáo của bà H, tại phiên tòa phúc thẩm, bà H và ông B đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, việc thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, đồng thời không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Lý Minh T: Ông T là người kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, xem như ông từ bỏ việc kháng cáo. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông T.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Lâm Thị Thu H đảm bảo về hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo, còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bà H, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H và ông B thỏa thuận được với nhau như sau: Ông B đồng ý giảm phần tiền lãi cho ông T và bà H, tính đến ngày xét xử sơ thẩm từ 227.600.000 đồng xuống còn 160.000.000 đồng. Bà H đồng ý liên đới với ông T trả nợ cho ông B tính đến ngày xét xử sơ thẩm gồm tiền gốc 600.000.000 đồng, tiền lãi 160.000.000 đồng, tổng cộng là 760.000.000 đồng và tiếp tục trả tiền lãi từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả dứt nợ, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận 1,5%/tháng.

[5] Việc thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, đồng thời cũng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T, cho nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận kháng cáo của bà H, căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận giữa bà H và ông B.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (gọi tắt là Nghị quyết số 326), Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau: Ông T và bà H phải cùng liên đới chịu án phí có giá ngạch trên số tiền phải có nghĩa vụ trả cho ông Tuấn là 34.400.000 đồng.

[7] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bị kháng cáo nên theo quy định tại khoản 2 Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326, bà H không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp. Đối với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông T đã nộp, căn cứ khoản 2 Điều 18 Nghị quyết số 326 thì sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296, Điều 300, khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 312, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 18, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lý Minh T.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lâm Thị Thu H.

1. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ, cụ thể như sau:

Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Ngọc B. Buộc bà Lâm Thị Thu H và ông Lý Minh T có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông Lý Ngọc B gồm tiền vốn gốc 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), tổng cộng là 760.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 10 tháng 7 năm 2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là bà Lâm Thị Thu H và ông Lý Minh T còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1,5%/tháng.

1.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lý Minh T và bà Lâm Thị Thu H phải cùng liên đới chịu là 34.400.000 đồng (Ba mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Ông Lý Ngọc B không phải chịu và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004322 ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Cần Thơ).

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Lâm Thị Thu H không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001649 ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Sung vào công quỹ Nhà nước đối với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông Lý Minh T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002607 ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND khu vực 9 - Cần Thơ;
- VKSND TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 9 - Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Lâm